

ĐẶC TRƯNG NGÔN NGỮ VĂN HOÁ CỦA THÀNH NGỮ NGA TRONG CÁC TÁC PHẨM CỦA LÉP TÔNXTÔI

RUSSIAN LANGUAGE CULTURAL NUANCES IN IDIOMS IN THE WORKS OF LEO TOLSTOY

Dương Quốc Cường*

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, Việt Nam¹

*Tác giả liên hệ / Corresponding author: dqcuong@ufl.udn.vn

(Nhận bài / Received: 01/3/2026; Sửa bài / Revised: 26/3/2026; Chấp nhận đăng / Accepted: 11/4/2026)

DOI: 10.31130/ud-jst.2026.24(5C).292

Tóm tắt - Thành ngữ tiếng Nga chứa đựng thành tố văn hóa dân tộc đậm nét trong ngữ nghĩa của mình. Chính bản chất và nội dung của thành ngữ quy định những đặc điểm văn hóa dân tộc trong ngữ nghĩa của chúng. Không thể gọi là nắm được một ngôn ngữ nếu không nghiên cứu một cách có hệ thống các thành ngữ của ngôn ngữ đó, nhưng cũng không thể nói là nắm được thành ngữ nếu không hiểu rõ xuất xứ của chúng. Một thực tế là giảng dạy tiếng Nga dựa trên các yếu tố văn hóa được so sánh giữa các dân tộc là phương thức quý giá giúp người học có một cái nhìn mở ra bên ngoài, là nguồn hứng khởi là cơ hội thực hành ngôn ngữ khi họ biểu đạt cái tương đồng và dị biệt trong hai thực thể văn hóa. Chính đó là động lực cho chúng tôi nghiên cứu các đặc trưng ngôn ngữ văn hóa Nga của thành ngữ trong các tác phẩm của L. Tônxtôi.

Từ khóa - Tiếng Nga; thành ngữ; văn hóa; dân tộc; ngôn ngữ; tri thức nền.

1. Đặt vấn đề

L. Tônxtôi là một trong những đại văn hào kiệt xuất của văn học Nga và văn học thế giới. Các tác phẩm của ông không chỉ có giá trị to lớn về tư tưởng, nghệ thuật mà còn kho tư liệu phong phú phản ánh đời sống tinh thần, đạo đức, văn hóa và ngôn ngữ của xã hội Nga thế kỷ XIX. Trong hệ thống ngôn ngữ nghệ thuật đặc sắc ấy, thành ngữ giữ một vai trò đặc biệt quan trọng, góp phần tạo nên tính sinh động, giàu hình ảnh và đậm bản sắc dân tộc cho tác phẩm.

Thành ngữ Nga không đơn thuần là phương tiện diễn đạt quen thuộc của lời ăn tiếng nói hằng ngày, mà còn mang trong mình những dấu ấn văn hóa Nga đặc thù, phản ánh thể giới quan, nhân sinh quan, phong tục tập quán, tín ngưỡng và hệ giá trị truyền thống của dân tộc Nga. Thông qua việc sử dụng linh hoạt và sáng tạo thành ngữ, L. Tônxtôi đã khắc họa sâu sắc đời sống tâm lý nhân vật, tái hiện chân thực bức tranh xã hội Nga và chuyển tải những suy ngẫm triết lý mang tính nhân văn sâu sắc. Tuy có không ít công trình nghiên cứu về ngôn ngữ nghệ thuật cũng như phong cách sáng tác của L. Tônxtôi, song việc khảo sát thành ngữ trong các tác phẩm của ông dưới góc độ ngôn ngữ văn hóa vẫn còn chưa được quan tâm một cách hệ thống trong việc nghiên cứu, giảng dạy tiếng Nga ở Việt Nam. Vì vậy, việc nghiên cứu những nét đặc trưng ngôn

Abstract - Russian idioms contain a strong national cultural component in their semantics. The nature and content of idioms determine the national cultural characteristics embedded in their semantics. One cannot claim to have mastered a language without systematically studying its idioms. Likewise, one cannot master idioms without clearly understanding their origins. Russian language teaching in particular - "based on cultural elements compared across nations, is a valuable approach that helps learners develop an outward-looking perspective, serves as a source of inspiration, and provides opportunities for language practice when they express similarities and differences between two cultural realities. This is precisely the motivation for our study of Russian cultural nuances in idioms found in the works of L. Tolstoy.

Key words - Russian language; idioms; culture; nation; language; background knowledge.

ngữ văn hóa của thành ngữ trong tác phẩm của L. Tônxtôi là cần thiết, góp phần làm sáng tỏ phong cách ngôn ngữ của nhà văn, đồng thời bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc nghiên cứu thành ngữ Nga cũng như công tác giảng dạy, dịch thuật văn học Nga tại Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về thành ngữ và mối quan hệ giữa thành ngữ và văn hóa

2.1.1. Thành ngữ dưới góc độ ngôn ngữ học và ngôn ngữ học văn hoá

Thành ngữ “là những tổ hợp từ cố định, có sẵn, mang nghĩa hoàn chỉnh và được lưu giữ trong trí nhớ người nói khi giao tiếp” [1, tr.25]. Chúng phản ánh kinh nghiệm sống, tư duy và đặc trưng văn hóa dân tộc; đồng thời có tính biểu cảm, giàu hình ảnh, góp phần làm cho lời nói sinh động, giàu sắc thái.

Trong ngôn ngữ, thành ngữ không chỉ thực hiện chức năng định danh mà còn là “kho lưu trữ” thông tin văn hóa, lịch sử và tri thức xã hội. Nội dung và bản chất của thành ngữ gắn chặt với đời sống dân gian, giúp bảo tồn và truyền tải các giá trị văn hóa qua các thế hệ. Ngữ nghĩa của thành ngữ vì thế không chỉ là nghĩa từ vựng đơn thuần mà còn hàm chứa các yếu tố văn hóa dân tộc. Như vậy trong khuynh hướng ngôn ngữ học văn hoá, các học giả cho rằng

¹ The University of Danang - University of Foreign Language Studies, Vietnam (Duong Quoc Cuong)

thành ngữ là nơi “kết tinh ký ức văn hoá tập thể”, là hình thức mã hoá các giá trị, biểu tượng và khuôn mẫu tư duy dân tộc. Thành ngữ không chỉ phản ánh hiện thực khách quan mà còn phản ánh cách cộng đồng đó nhìn nhận và đánh giá hiện thực.

Từ góc nhìn này, thành ngữ trở thành một “đơn vị văn hoá - ký hiệu” (cultural semiotic unit), trong đó ngữ nghĩa thường mang tính biểu tượng, ẩn dụ và gắn với các mô hình tri nhận đặc thù của dân tộc.

2.1.2. Thành ngữ dưới góc độ tri nhận và bức tranh ngôn ngữ về thế giới

Trong nghiên cứu hiện đại, thành ngữ được đặt trong mối liên hệ với “bức tranh ngôn ngữ về thế giới” (языковая картина мира). Theo quan điểm của Yuri Apresyan, hệ thống từ vựng và thành ngữ của một ngôn ngữ phản ánh mô hình tri nhận đặc thù của cộng đồng ngôn ngữ ấy. Thành ngữ chính là những “mảnh ghép” tiêu biểu thể hiện kinh nghiệm sống đã được khái quát hoá và biểu tượng hoá qua ngôn từ.

Từ góc nhìn ẩn dụ ý niệm, nhiều thành ngữ được hình thành trên cơ sở chuyển nghĩa từ miền nguồn cụ thể (cơ thể người, thiên nhiên, lao động...) sang miền đích trừu tượng (đạo đức, tình cảm, số phận...). Điều này chứng tỏ thành ngữ không chỉ là sản phẩm của ngôn ngữ mà còn là kết quả của quá trình nhận thức và khái quát kinh nghiệm văn hoá.

2.1.3. Văn hóa và mối quan hệ hữu cơ giữa thành ngữ và văn hóa

Văn hóa, theo nghĩa rộng, “là tổng thể những nét riêng biệt về tinh thần và vật chất, tri thức và cảm xúc đặc trưng cho một cộng đồng [2, tr.21]. Trong quá trình học và sử dụng ngôn ngữ, thành ngữ góp phần giúp người học hiểu sâu hơn về lịch sử, xã hội, lối sống và bản sắc của dân tộc. Do đó, mối quan hệ giữa thành ngữ và văn hóa là quan hệ gắn bó hữu cơ: thành ngữ phản ánh văn hóa, đồng thời là phương tiện bảo tồn và truyền bá văn hóa. Đúng như X.G. Gavrín đã nhận định: “Không thể gọi là nắm được một ngôn ngữ nếu không nghiên cứu một cách có hệ thống các thành ngữ của ngôn ngữ đó, nhưng cũng không thể nói là nắm được thành ngữ nếu không hiểu rõ xuất xứ của chúng” [3, 56].

Ngôn ngữ và văn hoá tồn tại trong mối quan hệ hai chiều: ngôn ngữ phản ánh văn hoá, đồng thời cũng định hình và bảo tồn văn hoá. Trong đó, thành ngữ giữ vai trò đặc biệt vì chúng có tính ổn định và lưu truyền qua nhiều thế hệ. Thành ngữ thường chứa đựng: Các biểu tượng văn hoá truyền thống (gia đình, tôn giáo, lao động, chiến tranh); Hệ thống giá trị đạo đức (tập thể - cá nhân, danh dự, trách nhiệm); Quan niệm về con người và thế giới tự nhiên.

2.1.4. Vai trò của thành ngữ trong diễn ngôn văn học

Trong văn bản nghệ thuật, thành ngữ có những chức năng nổi bật: Chức năng cá thể hoá nhân vật - qua việc lựa chọn thành ngữ mang màu sắc khẩu ngữ, địa phương hoặc tầng lớp xã hội; Chức năng biểu cảm - đánh giá - truyền tải thái độ, cảm xúc và lập trường tư tưởng của người nói; Chức năng tạo tính chân thực hiện thực - tái hiện đời sống ngôn ngữ tự nhiên của cộng đồng; Chức năng tổ chức bức tranh nghệ thuật - góp phần định hình “giọng điệu văn hoá” của tác phẩm.

Chính vì vậy, khi phân tích thành ngữ trong văn học nghệ thuật - đặc biệt trong các tác phẩm của Lev Tônxtôi - cần đặt chúng vào bối cảnh văn hoá - xã hội Nga thế kỷ XIX. Ở đây, thành ngữ không chỉ là phương tiện tu từ mà còn là chỉ dấu của tầng sâu văn hoá dân tộc, góp phần kiến tạo tính hiện thực và chiều sâu tư tưởng của tác phẩm. Và do đó, nghiên cứu thành ngữ trong sáng tác của đại văn hào không chỉ là nghiên cứu một lớp đơn vị từ vựng, mà là nghiên cứu cách nhà văn vận dụng ký ức văn hoá dân tộc để xây dựng thế giới nghệ thuật và biểu đạt tư tưởng nhân văn sâu sắc.

2.2. Các nét đặc trưng ngôn ngữ văn hóa của thành ngữ trong các tác phẩm của L. Tônxtôi

Thành ngữ Nga mà chúng tôi nghiên cứu và thu thập trong các tác phẩm của L. Tônxtôi, với tư cách là người đại diện xứng đáng của ngôn ngữ Nga, đã phản ánh việc sử dụng có chọn lọc của một nhà văn Nga vĩ đại, theo đúng tinh thần của cộng đồng người Nga và phản ánh rõ nét văn hóa dân tộc Nga.

2.2.1. Thông qua tính đặc ngữ của các thành ngữ dung hợp

Các thành ngữ dung hợp (idioms) trong tác phẩm của L. Tônxtôi mang nghĩa toàn thể, khó phân tích theo từng thành tố. Ngữ nghĩa của thành ngữ vì thế không chỉ là nghĩa từ vựng đơn thuần mà còn hàm chứa các yếu tố văn hóa dân tộc. Chúng tạo sắc thái khẩu ngữ, gần với lời nói đời thường của người Nga, góp phần làm cho lời văn tự nhiên, giàu tính dân tộc. Tônxtôi thường đưa những thành ngữ này vào lời thoại của nhân vật để tăng tính chân thực, thể hiện tầng lớp xã hội, tuổi tác và tâm trạng. Các thành ngữ dưới đây xuất hiện trong những đoạn miêu tả tâm trạng nhân vật khi đứng trước biến cố chiến tranh, tình cảm hoặc xung đột nội tâm. Ví dụ:

- Чудный народ! - сказал француз, - наш Неаполитанский король в этих делах собаку съел, кричал им: браво! [4, Tập 3, tr.374].

- Thực là bọn hảo hán! - một tên Pháp nói, - Quốc vương thành của chúng tôi biết người biết của, đã phải kêu lên: hoan hô [5, Tập 3, tr. 531].

- Ему казалось, что она бросит камня и с простотой и решительностью поедет к Анне и примет её [6, Tập 2, tr.91].

- Chàng tin là sẽ không lên án hai người, sẽ vui vẻ, mạnh dạn đến thăm và tiếp Anna ở nhà bà [7, Tập 2, tr.139].

- Что ж, пришли подивиться, как антихрист людей мучает? На вот, гляди. Забрал людей, запер в клетку войско целое. Люди должны в поте лица хлеб есть, а он их запер, как свиней кормит без работы, чтоб они озверели [8, tr.439].

- Thế nào anh đến xem những tên phản chúa hành hạ người ta từng đoàn từng lũ. Người đời phải đổ mồ hôi sôi nước mắt mới có miếng ăn, vậy mà nó nhốt người ta lại, nuôi cho ăn mà chẳng làm gì, như những con lợn ấy, để cho tất cả biến thành giống thú vật [9, Tập 2, tr.428].

- Князь опять засмеялся своим холодным смехом: - Бонапарте в рубашках родился. Солдаты у него прекрасные. Да и на первых он не немцев папал. А

немецев только ленивый не бил [4, Tập 1, tr.131].

- Công tước lại cất tiếng cười lạnh lùng quen thuộc: - Bonapacte có số đỏ. Hắn ta có quân lính giỏi. Trước tiên là hắn ta đánh Đức mà xưa nay chỉ có bọn lười biếng mới không thắng nổi quân Đức [5, Tập 1, tr.304].

Và những thành ngữ như: *ни жив ни мёртв* (hoàng sơ tột độ) [4, Tập 1, tr. 214]; *сам не свой* (bối rối, mất bình tĩnh) [6, tr.183]; *как в воду глядел* (đoán trước chính xác) [4, Tập 2, tr. 96]. (*đã bỏ ba thành ngữ cuối*)

Và cũng có những thành ngữ mà L. Tônxtôi sử dụng chỉ các hiện tượng văn hóa không quen thuộc với chúng ta. Chúng chỉ các “khái niệm đã xác định”, đó là những hiện tượng văn hóa đặc trưng cho dân tộc Nga, chúng không dễ dàng dịch được sang một ngôn ngữ khác mà vẫn bảo toàn trọn vẹn bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Ví dụ: *пустоцвет*, *как на клубнике*, (bông hoa lép trên cành dâu tây) [4, Tập 4, tr.268]; *кусочек мяса в чернильнице* (cục thịt trong lọ mực) [8, Tập 1, tr.155], *как барышня*, *которой бы прочли Жонконду* (giống như cô gái trẻ mà người ta đọc cho nghe Jonkonda) [4, Tập 3, tr.135].

Những thành ngữ có cấu trúc và nội dung tương tự cũng có trong tiếng Việt: *nói dối như Cuội*, *máu Hoạn Thư*, *sư tử Hà Đông*, *oan Thị Mầu*...

2.2.2. Thành ngữ phản ánh kinh nghiệm giao tiếp, lối sống, đời sống lao động và sinh hoạt hằng ngày của người Nga

Trong các tác phẩm của mình, L. Tônxtôi sử dụng nhiều thành ngữ gắn với nông nghiệp, sinh hoạt thôn quê, thiên nhiên và lao động chân tay - những lĩnh vực chiếm vị trí trung tâm trong đời sống nước Nga thế kỷ XIX. Những thành ngữ này tái hiện một cách chân thực nhịp sống của làng quê Nga, đồng thời nhấn mạnh mối quan hệ gắn bó giữa con người và thiên nhiên. Thông qua lớp thành ngữ này, bức tranh văn hóa vật chất của người Nga hiện lên rõ nét, góp phần tạo nên tinh hiện thực sâu sắc cho tác phẩm. Chúng ta xem ví dụ các thành ngữ trong các tác phẩm của L. Tônxtôi sau đây có thể phản ánh những sắc thái văn hóa dân tộc Nga một cách riêng rẽ, bằng từng thành tố ngữ nghĩa độc lập: “*вешать лапшу на уши*” (lừa dối), [6, Tập 2, tr. 62]; “*бить баклуши*” (lười biếng, ăn không ngồi rồi), [9, Tập 4, tr. 39]...

Và một số thành ngữ được sử dụng phản ánh lối nói hình tượng dân gian, dùng hình ảnh quen thuộc trong đời sống âm thực để biểu đạt hành vi xã hội, văn hóa lao động truyền thống nghề thủ công xưa (đeo gỗ làm thìa). Ví dụ: - Яшвин был в полку лучший приятель Вронского. Вронский любил его и за его необычайную физическую силу, которую он большею частью высказывал тем, что мог *пить как бочка*, не спать и быть все таким же. [6, Tập 1, tr.168].

- Yasvin là bạn thân nhất của vrônxi trong trung đoàn. Vrônxi yêu anh ta vì sức khỏe kỳ lạ, trong nhiều trường hợp thường biểu lộ bằng cách *nốc rượu như thùng tônô*, bằng cách ngủ mà lúc nào trong người cũng sáng khoái [7, Tập 1. Tr. 274].

- И действительно, стоило ему лечь, чтобы тотчас *заснуть камнем* [4, Tập 3, tr.135].

- Mà quả thực, hề nằm xuống là *bắt tay ngủ say như chết* [5, Tập 4, tr.76].

- Я знаю, что он, *как рыба в воде*, плавает и нас лаждается во лжи [6, Tập 1, tr.296].

- Minh thừa hiểu con người lão, biết lão hỏi trong dối trá như *cá bơi trong nước* và lão còn lấy thế làm khoái trá [7, Tập 1, tr. 449].

Chúng ta còn bắt gặp các thành ngữ thường xuất hiện trong những đoạn miêu tả sinh hoạt nông thôn, công việc gia đình hoặc trong lời khuyên, nhận xét giữa các nhân vật, như: *работать засучив рукава* (làm việc chăm chỉ), [6, Tập 1, tr.201]; *дело мастера боится* (việc sợ người giỏi) (*Детство. Отрочество. Юность* [tr.109]; *жить как у Христа за пазухой*” (đời sống an yên, no đủ), [6, Tập 2, tr.18];

Như vậy, các thành ngữ Nga xuất hiện trong các tác phẩm của L. Tônxtôi không chỉ là phương tiện biểu đạt ngôn ngữ mà còn phản ánh sâu sắc đời sống văn hóa, tư duy dân tộc và thế giới tinh thần của con người Nga. Qua cách sử dụng thành ngữ, nhà văn tái hiện sinh hoạt xã hội và các quan niệm đạo đức - triết lý truyền thống.

2.2.3. Thành ngữ như phương tiện khắc họa tư duy hình tượng và tâm lý nhân vật

L. Tônxtôi nổi tiếng với nghệ thuật phân tích tâm lý. Thành ngữ giúp ông diễn đạt cảm xúc nhân vật bằng hình ảnh quen thuộc trong văn hóa dân gian, tạo nên tính biểu cảm sâu sắc. Các thành ngữ thường xuất hiện trong những thời điểm nhân vật rơi vào trạng thái mâu thuẫn nội tâm, sợ hãi bàng hoàng, day dứt hay giằng xé nội tâm, lo lắng hoặc suy tư về cuộc sống. Thành ngữ giúp ông diễn đạt cảm xúc nhân vật bằng hình ảnh quen thuộc trong văn hóa dân gian, tạo nên tính biểu cảm sâu sắc. Việc lựa chọn thành ngữ phù hợp với hoàn cảnh và địa vị xã hội của nhân vật góp phần cá thể hóa lời nói, đồng thời làm tăng độ chân thực và tính biểu cảm cho tác phẩm. Việc “*so sánh thành ngữ của hai nền văn hóa xa nhau cho phép hiểu đúng hơn về cách tư duy hình tượng của những người đại diện cho một ngôn ngữ và văn hóa nhất định*” [7, tr.136]. Trong các tác phẩm của L. Tônxtôi chúng tôi bắt gặp rất nhiều văn cảnh mà ông dùng thành ngữ có từ “*душа*”(tâm hồn) và “*сердце*” (trái tim). Ví dụ: *в душе тайны* (những bí ẩn trong lòng) [6, Tập 1, tr.113], *не вложить в душу ребенка* (không đặt trẻ vào lòng) [6, Tập 3, tr.82; tr.209], *сказать на сердце* (nói thẳng vào con tim) [6, Tập 2, tr.285], *держат сердце в руках* (ghì con tim trong lòng bàn tay) [6, Tập 2, tr.262], *в душе хаос* (trong lòng thật hỗn loạn) [6, Tập 1, tr.596], *в глубине души* (trong sâu thẳm đáy lòng) [6, Tập 1, tr.328], *от всей души* (thật lòng) [6, Tập 1, tr.304]; “*душа болит*” (đau khổ về tinh thần) [8, tr. 142]; “*как камень с души свалился*” (nhẹ nhõm) [4, Tập 3, tr.305]; “*сердце не на месте*” (lo lắng, bất an), [8, tr. 221].

Những ý nghĩa của từ tiếng Nga “*в душе*”, hoặc “*в сердце*” ở các ngữ cảnh khác nhau thì trong tiếng Việt có thể được diễn đạt là trái tim vàng, thâm tâm, thay lòng đổi dạ, lòng gang dạ thép, bụng làm dạ chịu, lòng lang dạ sói, xấu bụng, hả dạ, mở cờ trong bụng, bụng bảo dạ, ...

giúp người đọc cảm nhận rõ diễn biến tâm lý nhân vật, đặc biệt trong các cảnh tình yêu, chiến tranh và sự dẫn vật đạo đức.

Chúng ta thấy hệ thống các hình tượng được ghi lại trong các đơn vị thành ngữ trong tác phẩm L. Tônxtôi là kho báu của dân tộc Nga nhằm lưu giữ thế giới quan và tinh thần cộng đồng người Nga, chúng trở thành tinh hoa trong văn hóa truyền thống của dân tộc Nga.

Hoặc đối với người Nga, bánh mì (*хлеб*) là hình ảnh tượng trưng cho sự no đủ, món quà xứng đáng cho sức lao động sáng tạo của người Nga, sự quý trọng lao động. Lép Tônxtôi cũng dùng rất nhiều thành ngữ có từ "*хлеб*" trong tác phẩm bất hủ của mình. Ví dụ:

- Верно... Немец на обухе молотит хлебец, - перекладывая янтарь на другую сторону рта, - сказал Шиншин и подмигнул граф [4, Tập 1, tr.76].

- Quả đúng thật... người Đức có tài xoay xở - Sinsin nói rồi nháy mắt với Bá tước một cái [5, Tập 1, tr.206]

- Графине Марье хотелось сказать ему, что *не о едином хлебе сыт будет человек*, что он слишком много приписывает важности этим делам [4, Tập 4, tr.298].

- Bá tước phu nhân Maria muốn nói với chồng rằng *con người không chỉ sống bằng bánh mì*, mà chàng quá coi trọng những việc làm ăn của chàng [5, Tập 4, tr. 456].

Đặc tính quan trọng này được thể hiện rõ nét nhất trong đối chiếu so sánh thành ngữ Nga - Việt và hai nền văn hóa qua tác phẩm của Lép Tônxtôi. Trong thành ngữ tiếng Việt cũng có những thành ngữ có từ "*com*": *com dèo canh ngọt*, *com hàng cháo chợ*, *com nhà má vợ*, *com bụng nước rớt*, *com thừa canh cặn*, *com niêu nước lọ*...

Từ những phân tích trên, có thể nói thành ngữ như phương tiện khắc họa tư duy hình tượng và tâm lý nhân vật. Thành ngữ giúp nhà văn thể hiện cách suy nghĩ giàu hình ảnh, đồng thời khắc họa chiều sâu cảm xúc và tính cách nhân vật.

2.2.4. Thành ngữ thể hiện quan niệm đạo đức và triết lý nhân sinh

Thành ngữ trong sáng tác của L. Tônxtôi còn phản ánh đậm nét hệ giá trị đạo đức và triết lý mang màu sắc Chính thống giáo Nga. Nhiều thành ngữ liên quan đến lương tâm, tội lỗi, trách nhiệm cá nhân và sự phán xét đạo đức được sử dụng để thể hiện những trăn trở nội tâm của nhân vật. Các thành ngữ mà L. Tônxtôi sử dụng có thể phản ánh đặc trưng văn hóa đa dạng bằng chính nguyên mẫu biểu đạt của mình: miêu tả tập tục, tín ngưỡng, hành vi tiêu biểu của dân tộc Nga. Qua khảo sát chúng tôi nhận thấy hơn một trăm lượt Lép Tônxtôi sử dụng thành ngữ với từ "*бог*" thể hiện tín ngưỡng của dân tộc Nga thời đó là tin vào đức Chúa trời. Ví dụ:

- Что считаться? Наши счёты *бог сведёт*, - проговорила она и черные глаза её заблестели от вступивших в них слёз [8, tr.434].

- "Tính toán làm gì? Mọi ân oán của chúng ta rồi *Чúa sẽ phân xử*," - cô nói, đôi mắt đen ánh lên vì những giọt nước mắt vừa dâng đầy [9, tr. 195].

- "Что ж, *слава богу*, причастили, соборовали, дай бог каждому так умереть" [6, Tập 2, tr. 60].

- "Thế là tốt rồi, *тạ ơn Chúa*, đã được làm lễ ban thánh thể, xúc dầu; cầu Chúa cho ai cũng được ra đi như vậy" [7, Tập 2, tr. 105].

- *Бог помидует*, никакие дохтура не нужны, - говорила Няня Савшина... [6, Tập 2, tr. 67].

- "*Чúa sẽ thương xót* thôi, chẳng cần đến bác sĩ nào cả," - bà vú Savshina nói... [7, Tập 2, tr. 100].

- Ах, боже мой! *Слава богу!* - сказала княжна Марья. - *Слава богу!* Сказал голос. А батюшка?... [4, Tập 2, tr. 42].

- "*Ôi, lạy Chúa! Tạ ơn Chúa!*" - công nương Maria nói. - "*Tạ ơn Chúa!*" - một giọng khác vang lên. - "Còn cha thì sao?..." [5, Tập 2, tr. 224].

"- *Бог правду видит!* Сказал голос. А батюшка?... [4, Tập 2, tr.42].

- "*Чúa nhìn thấu sự thật!*" - một giọng nói cất lên. - "Còn cha thì sao?..." [5, Tập 2, tr. 158].

Chúng ta còn bắt gặp sử dụng các thành ngữ như: *жить по совести* (sống có tâm) [6, tr.56]; *что посеешь, то и пожнешь*], (gieo gì gặt nấy, nhân quả) [4, Tập 4, tr.411]; *бог сведёт*, [8, tr.434].

Thành ngữ vì thế không chỉ là phương tiện ngôn ngữ mà còn là công cụ chuyển tải tư tưởng. Thông qua việc đưa thành ngữ vào lời kể và lời thoại nhân vật, nhà văn đã truyền tải niềm tin tôn giáo, tư tưởng nhân đạo và quan niệm về con người: con người phải sống có lương tâm, có trách nhiệm với bản thân và với cộng đồng. Những thành ngữ này thường xuất hiện trong lời độc thoại nội tâm hoặc các đoạn suy ngẫm về lương tâm, trách nhiệm và ý nghĩa cuộc sống. Các thành ngữ trên thể hiện hệ giá trị đạo đức truyền thống của xã hội Nga, đồng thời phản ánh tư tưởng nhân văn của L. Tônxtôi về trách nhiệm cá nhân và con đường hoàn thiện đạo đức.

3. Kết luận

Qua khảo sát, có thể thấy hệ thống thành ngữ trong các tác phẩm của L. Tônxtôi mang những đặc điểm ngôn ngữ văn hóa nổi bật: Mang tính dân tộc rõ nét, gắn với khẩu ngữ và đời sống dân gian; Phản ánh sinh hoạt xã hội, lao động và phong tục của người Nga thế kỷ XIX; Là công cụ quan trọng để thể hiện tư duy hình tượng và phân tích tâm lý nhân vật; Gắn chặt với hệ giá trị đạo đức, tôn giáo và triết lý nhân sinh của văn hóa Nga. Nhờ đó, thành ngữ không chỉ là đơn vị ngôn ngữ mà còn trở thành phương tiện nghệ thuật giúp L. Tônxtôi xây dựng thế giới nhân vật chân thực, giàu chiều sâu văn hóa và tư tưởng.

Như vậy, bên cạnh việc thể hiện bản sắc văn hóa Nga nhiều thành ngữ được L. Tônxtôi sử dụng trong sáng tác của mình mang ý nghĩa nhân sinh phổ quát, dễ dàng tạo sự đồng cảm với độc giả thuộc các nền văn hóa khác nhau. Khi đối chiếu với thành ngữ tiếng Việt, có thể nhận thấy nhiều tương đồng về cách tư duy hình tượng và quan niệm sống. Chính sự kết hợp hài hòa giữa giá trị dân tộc và giá trị nhân loại đã góp phần tạo nên sức sống lâu bền cho các tác phẩm của L. Tônxtôi.

Thành ngữ trong các tác phẩm của L. Tônxtôi là một bộ phận cấu thành quan trọng phong cách ngôn ngữ nghệ thuật của nhà văn. Dưới góc độ ngôn ngữ văn hóa thành ngữ không chỉ phản ánh hiện thực đời sống xã hội Nga, mà còn lưu giữ những giá trị đạo đức, tình cảm và triết lý nhân sinh sâu sắc. Nghiên cứu những nét đặc trưng ngôn ngữ văn hóa của thành ngữ trong sáng tác của L. Tônxtôi góp phần làm rõ tài năng khai thác ngôn ngữ dân tộc của nhà văn, đồng thời cung cấp thêm tư liệu cho các liên ngành giữa ngôn ngữ học, văn hoá học và văn học so sánh. Một thực tế là giảng dạy ngoại ngữ nói chung, tiếng Nga nói riêng "dựa trên các yếu tố văn hóa được so sánh giữa các dân tộc là phương thức quý giá giúp người học có một cái nhìn mở ra bên ngoài, là nguồn hứng khởi là cơ hội thực hành ngôn ngữ khi họ biểu đạt cái tương đồng và dị biệt trong hai thực thể văn hóa [11, tr.6]. Việc nghiên cứu thành ngữ dưới góc độ ngôn ngữ văn hóa cho phép khám phá những tầng nghĩa sâu xa, những mã văn hóa ẩn sau hình thức ngôn từ. Kết quả nghiên cứu cũng có ý nghĩa thực tiễn đối với hoạt động giảng dạy và dịch thuật văn học Nga tại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] N. M. Shansky, *Phraseology of the Modern Russian Language*, Moscow: Vysshaya Shkola Publishers, 1969.
- [2] Q. V. Tran (Ed.), *Foundations of Vietnamese Culture*, Hanoi: Education Publishing House, 1999.
- [3] S. G. Gavrin, *Russian Phraseology in School*, Moscow, 1973.
- [4] L. N. Tolstoy, *War and Peace* (Vols. 1-4), Moscow: Molodaya Gvardiya Publishers, 1978.
- [5] L. Tolstoy, *War and Peace* (C. X. Hao, Trans., Vols. 1-4), Hanoi: Culture Publishing House, 1976.
- [6] L. N. Tolstoy, *Anna Karenina*, Kiev: Dnipro Publishing House, 1984.
- [7] L. Tolstoy, *Anna Karenina* (Nhi Ca & D. Tuong, Trans.), Long An: Long An Publishing House, 1988.
- [8] L. N. Tolstoy, *Resurrection*, Leningrad: Khudozhestvennaya Literatura Publishers, 1984.
- [9] L. Tolstoy, *Resurrection* (V. D. Phong & P. Uong, Trans.), Hanoi: Writers' Association Publishing House, 1990.
- [10] H. L. Tran, "Cultural issues in foreign language teaching and learning from a methodological perspective," *Foreign Languages Internal Journal*, Hanoi, no. 3, 2000.